

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/DS-PT

Ngày: 13 - 7 - 2021

*V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2020/TBTL-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2020/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm H, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm 1, thôn Th, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1976 (có mặt).

Bà Trịnh Thị Lệ S, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm 1, thôn Th, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Hoàng Trọng

Q – Luật sư đang hoạt động tại văn phòng Luật sư Hoàng Trọng Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị Mỹ A, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Đ, N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Anh Phạm Ngọc A1, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm 1, thôn Th, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Chị Phạm Thị Mỹ H1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm 1, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

4. Anh Phạm Ngọc Th, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm 1, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

5. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn S, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc D – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 09/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện T) (vắng mặt).

6. Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ch, chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Thanh S – Cán bộ địa chính xã T (Văn bản ủy quyền ngày 20/4/2020 của Chủ tịch UBND xã T) (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm H, bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Trịnh Thị Lệ S, trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm H, trình bày:

Nguồn gốc đất ông đang sử dụng tại thôn Th, xã T, huyện T được UBND huyện T giao đất vào năm 1989 với diện tích 200m² đất ở, không có đất vườn thừa, có giới cận: Đông giáp đất ông Lâm Ngọc H nay là ông Phan Th; Tây giáp đất ông Võ Trung T nay là ông Lê Văn Đ; Nam giáp đường Quốc lộ 19; Bắc giáp đất gò của UBND xã T nay là đất nông nghiệp của ông (Phạm H). Cũng trong năm 1989 gia đình ông được Nhà nước giao đất nông nghiệp giáp phía sau đất ở của ông, khi Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) Th giao đất cho ông có cắm mốc nhưng không nói diện tích chiều ngang, chiều dài bao nhiêu nên ông không biết, sau khi cấp đất ông xây dựng nhà cấp 4 không nhớ nhà có diện tích bao nhiêu, đến năm 2014 - 2015 ông xây lại nhà như hiện nay. Ngày 25.6.2002 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (Phạm H)

theo Nghị định 64/CP của Chính phủ tại thửa đất số 357 tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại thôn Th, xã T, huyện T có diện tích đất 400m² (trong đó đất thổ cư 300m², đất vườn 100m²). Tại thời điểm cấp đất hộ ông có 06 nhân khẩu gồm: Ông, vợ (Nguyễn Thị T đã chết năm 2012) và 04 con: Phạm Thị Mỹ A, Phạm Ngọc A1, Phạm Thị Mỹ H, Phạm Ngọc Th. Hộ ông Lê Văn Đ, bà Trịnh Thị Lệ S ở liền kề phía Tây Bắc sát nhà ông, ranh giới giữa hai nhà là hàng rào thép gai nhưng ông Đ, bà S chặt phá hàng rào lấn qua đất của ông, ông Đ mua đất của ông Võ Trung T diện tích chỉ có 200m² (7 x 30) nhưng ông Đ xây nhà chiều ngang 10m và cho rằng ông mua đất của ông T chiều ngang 11m. Diện tích đất thực tế ông đang sử dụng là 288m² (chiều ngang 7,2m; chiều dài 40m) nên thiếu diện tích 112m². Nay ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà S phải trả cho ông diện tích đất đã lấn chiếm chiều ngang 2,8m, chiều dài 40m đủ diện tích mà ông được Nhà nước cấp là 400m² (trong đó 300m² đất ở và 100m² đất vườn), chiều dài 10m, chiều ngang 40m.

Bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Trịnh Thị Lệ S, trình bày:

Nguồn gốc đất vợ chồng ông đang sử dụng là do ông mua của ông Võ Trung T vào ngày 02/01/2003 có quyết định giao đất làm nhà ở theo quyết định giao đất ngày 28/3/1989 của UBND huyện T, diện tích 200m² (chiều rộng 7m x chiều dài 30m), có giới cận: Đông giáp ruộng lúa; Tây giáp đường Quốc lộ 19; Nam giáp ruộng lúa; Bắc giáp lô đất ông H. Đất mà UBND huyện T giao cho ông T có 01 ngôi mộ nằm trong thửa đất nên Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Th điều chỉnh thành 11m chiều rộng, 20m chiều dài. Sau khi mua đất ông làm nhà diện tích 70m² (chiều ngang 10m, chiều dài nhà 7m) và sử dụng diện tích đất 220m² đúng như diện tích đã mua, ông không có lấn chiếm đất của ông H, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Ông Đ, bà S có đơn phản tố yêu cầu ông H phải trả lại đất lấn chiếm cho ông bà có diện tích chiều ngang 1m, chiều dài 20m, tổng cộng 20m² và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện T đã cấp cho ông Phạm H với lý do UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Phạm H lấn chồng sang đất ở hợp pháp của ông bà.

Về diện tích đất thừa theo bản đồ mà Tòa án đã đo đạc thì diện tích đất phía sau thửa đất của ông bà thừa 270m² thì ông bà thống nhất đất này do UBND xã T quản lý nên thuộc quyền của UBND huyện T, ông bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Mỹ A, anh Phạm Ngọc A1, chị Phạm Thị Mỹ H, anh Phạm Ngọc Th, trình bày:

Thống nhất như trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện UBND huyện T ông Nguyễn Quốc D, trình bày:

Nguồn gốc đất của ông Phạm H: Vị trí đất ông Phạm H đang sử dụng, theo bản đồ 299 được đo thành thửa đất số 357, tờ bản đồ số 21, diện tích 400m² (300m² đất ở và 100m² đất vườn) đã được cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Phạm H (giao đất cho hộ ông Phạm H theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ), được xác lập trong sổ địa chính của xã T trang 141 và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất số 01216 QSDĐ/H12 ngày 25/6/2002. Hộ ông Phạm H được cân đối giao quyền sử dụng đất 6 nhân khẩu gồm: Ông Phạm H - chủ hộ; các thành viên trong hộ: Vợ là bà Nguyễn Thị T, các con: Phạm Thị Mỹ A, Phạm Ngọc A1, Phạm Thị Mỹ H, Phạm Ngọc Th.

Nguồn gốc đất của ông Lê Văn Đ: Năm 1989, UBND huyện giao đất cho ông Võ Trung T, thường trú tại xã T với diện tích 200m², không thể hiện chiều rộng và chiều dài lô đất, quyết định giao đất ký ngày 28/3/1989, không có thể hiện số quyết định (HTX Th xác nhận chiều rộng, chiều dài lô đất ở mặt sau quyết định giao đất trên, nhưng không có biên bản giao đất tại thực địa, nên không xác định được chiều dài, chiều rộng lô đất này bao nhiêu). Đến năm 2003 ông Võ Trung T chuyển nhượng QSD đất lại cho ông Lê Văn Đ theo giấy sang nhượng viết tay ngày 02/01/2003 và UBND xã T xác nhận ngày 06/01/2003. Nội dung giấy sang nhượng không ghi rõ diện tích, không ghi rõ chiều dài, chiều rộng lô đất.

Theo bản đồ 299 lô đất trên được đo thành thửa đất số 358, diện tích 320m², hiện ông Lê Văn Đ đang sử dụng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ.

Ông Đ bà S yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện UBND xã T ông Trương Thanh S, trình bày:

- Thực hiện theo biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện T ngày 14/11/2019 giữa hai bên đương sự là ông Phạm H và vợ chồng ông Lê Văn Đ và theo kết quả đo đạc ngày 14/3/2019 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T thì diện tích đất phía sau liền kề nhà ông Lê Văn Đ vượt khoảng 270m² theo Quyết định giao đất của ông Võ Trung T (Lê Văn Đ) được UBND huyện T cấp ngày 28/3/1989 với diện tích 200m². Đối với diện tích vượt 270m² này UBND xã chưa giao cho hộ gia đình, cá nhân nào thuộc quyền quản lý UBND xã.

- Thửa đất ông Phạm H đang sử dụng là thửa đất số 357, tờ bản đồ số 21, diện tích 400m² (số liệu cũ) nay là thửa đất số 619, tờ bản đồ 43, diện tích 416m² (số liệu mới chưa được cấp đổi). Việc cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông Phạm H thuộc thẩm quyền của UBND huyện T.

- Tại thời điểm giao đất hộ ông Phạm H có 06 nhân khẩu, gồm: Ông Phạm H, vợ Nguyễn Thị T và các con: Phạm Thị Mỹ A, Phạm Ngọc A1, Phạm Thị Mỹ H, Phạm Ngọc Th.

- Bị đơn ông Đ cung cấp nội dung theo Công văn số 23/CV-TA ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện T tại thời điểm giao đất theo Quyết định ngày 28/3/1989 của UBND huyện T thì HTX Th là đơn vị thực hiện việc giao đất và lập thủ tục hồ sơ trình UBND huyện phê duyệt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm H về việc buộc vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Trịnh Thị Lệ S phải trả lại đất lấn chiếm có diện tích 112m² (Chiều rộng 2,8m, chiều dài 40m) cho gia đình ông.

2. Đình chỉ xét xử đối với phản tố của ông Lê Văn Đ và bà Trịnh Lệ S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01216 QSDĐ/H12 ngày 25/6/2002 của UBND huyện T đã cấp cho hộ ông Phạm H.

3. Bác yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Đ và bà Trịnh Lệ S về việc yêu cầu ông Phạm H phải tháo dỡ nhà trả lại diện tích đất 20m² (Chiều rộng 1m, chiều dài 20m) cho ông bà.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 01/09/2020 nguyên đơn ông Phạm H, kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét đo đạc, thẩm định lại toàn bộ diện tích thửa đất đang sử dụng và xét xử lại toàn bộ nội dung bản án.

- Ngày 01/09/2020 bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Trịnh Thị Lệ S, kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu nguyên đơn ông Phạm H tháo dỡ nhà hoặc phải bồi thường giá trị 20m² đất theo giá thị trường.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện đồng thời giữ nguyên kháng cáo, bị đơn giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Mỹ H, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T và đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm H, ông Lê Văn Đ bà Trịnh Thị Lệ S, thấy rằng:

[2.1] Theo nội dung kháng cáo của ông H yêu cầu đo đạc, thẩm định lại toàn bộ thửa đất của ông H và vợ chồng ông Đ bà S đã được Tòa chấp nhận và đã tiến hành xem xét, đo đạc, định giá vào ngày 25 tháng 5 năm 2021. Theo kết quả đo đạc và xem xét tại chỗ thì thửa đất của ông H đang sử dụng có diện tích thực tế là 549,5m², trong khi đó tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01216 QSDĐ/H12 ngày 25/6/2002 thì thửa đất số 357 tờ bản đồ số 21 tại thôn Th, xã T, huyện T, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Phạm H có diện tích 400m² (trong đó 300m² đất ở và 100m² đất vườn). Thửa đất ông Lê Văn Đ đang sử dụng có diện tích theo đo đạc thực tế là 334,3m², trong khi đó theo Quyết định giao đất làm nhà ở ngày 28/3/1989 của UBND huyện T giao cho ông Võ Trung T thì chỉ có diện tích 200m². Năm 2003 ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho ông Đ theo giấy sang nhượng viết tay ngày 02/01/2003 được UBND xã T xác nhận ngày 06/01/2003. Sau khi mua đất của ông T thì ông Đ sử dụng đất và xây dựng nhà có diện tích 70m² (chiều rộng 10m, chiều dài 7m), hiện thửa đất của ông Đ chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, diện tích đất sử dụng thực tế của thửa đất 357 do ông H sử dụng và thửa đất 358 do ông Đ sử dụng đều có diện tích nhiều hơn so với diện tích được UBND huyện T giao (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo). Việc chênh lệch diện tích đất của ông H là do sai số giữa các lần đo đạc. Ông H cho rằng diện tích đất của ông có chiều rộng 10m, chiều dài 40m nhưng ông không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và chính ông cũng thừa nhận tháng 4, tháng 5 năm 1989 Hợp tác xã nông nghiệp Th giao đất theo quyết định cấp đất của UBND huyện T nhưng trong Quyết định không ghi diện tích chiều rộng, chiều dài của thửa đất là bao nhiêu nên ông không biết diện tích chiều rộng, dài bao nhiêu, chỉ biết diện tích thửa đất được Nhà nước cấp là 400m², sau khi cấp đất ông xây dựng nhà cấp 4 có diện tích chiều ngang như hiện trạng nhà hiện nay vẫn còn.

Tại văn bản trả lời của Ban địa chính xã T ngày 23/4/2020: Theo bản đồ địa chính 299 thì tất cả các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho ông Phạm H đều không thể hiện kích thước cạnh của thửa đất. Kể cả thửa đất 357, tờ bản đồ số 21, diện tích 400m² hiện nay ông đã xây dựng nhà ở. Như vậy, không có căn cứ để cho rằng thửa đất ông H có diện tích chiều rộng 10m, chiều dài 40m và việc vợ chồng ông Đ đã lấn chiếm đất của ông H diện tích 112m² (Chiều rộng 2,8m, chiều dài 40m). Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc buộc vợ chồng ông Đ phải trả lại đất cho ông là có căn cứ.

[2.2] Bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Trịnh Thị Lệ S, kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu nguyên đơn ông Phạm H tháo dỡ nhà hoặc phải bồi thường giá trị 20m² đất theo giá thị trường. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo kết quả xem xét, đo đạc, định giá vào ngày 25 tháng 5 năm 2021 thì diện tích đất thực tế mà ông Đ đang quản lý sử dụng là 334,3m² (chưa tính diện tích đất UBND xã T, huyện T quản lý) nhưng theo quyết định về việc giao đất làm nhà ở ngày 28/3/1989 của UBND huyện T giao cho ông Võ Trung T chỉ có diện tích 200m², không ghi chiều dài, chiều rộng bao nhiêu mét; Vị trí giới cận: Đông giáp ruộng lúa; Tây giáp đường Quốc lộ 19; Nam giáp ruộng lúa; Bắc giáp lô đất ông H. Năm 2003 ông Võ Trung T chuyển nhượng QSD đất lại cho ông Lê Văn Đ theo giấy sang nhượng viết tay ngày 02/01/2003 và UBND xã T xác nhận ngày 06/01/2003. Nội dung giấy sang nhượng không ghi rõ diện tích, không ghi rõ chiều dài, chiều rộng lô đất. UBND huyện T là cơ quan có thẩm quyền cấp đất, HTXNN Th không có quyền cấp đất như ông Đ nại mà HTXNN Th chỉ là đơn vị thực hiện việc giao đất và lập thủ tục hồ sơ trình UBND huyện phê duyệt. Như vậy, không có căn cứ để cho rằng thửa đất ông Đ có diện tích 220m² (Chiều rộng 11m, chiều dài 20m) và việc ông H đã lấn chiếm đất của ông Đ diện tích 20m² (Diện tích chiều rộng 1m và chiều dài 20m). Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ, bà S về việc buộc ông H phải tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông Đ, bà S là phù hợp.

[2.3] Theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay ông Đ bà S thống nhất ngoài phần đất UBND huyện T cấp cho ông Võ Trung T, ông T chuyển nhượng cho ông Đ thì diện tích đất còn lại phía sau liền kề phần đất ông Đ là đất do UBND xã T, huyện T quản lý, không phải là đất của ông Đ bà S (Có bản vẽ kèm theo).

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm H và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Văn Đ bà Trịnh Thị Lệ S là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng cáo của ông Phạm H yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Đ bà Trịnh Thị Lệ S, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản: Tại sơ thẩm là 4.500.000 đồng, phúc thẩm là 13.360.000 đồng, tổng cộng là 17.860.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, ông Phạm H phải chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản là 17.860.000 đồng, ông H đã nộp xong.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Phạm H là người cao tuổi nên được miễn án phí. Kháng cáo của ông Lê Văn Đ bà Trịnh Thị Lệ S không được chấp nhận nên ông Đ bà S phải chịu 300.000 đồng.

[5] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Tòa.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 163, 164, 246 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 168, 170 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm H và ông Lê Văn Đ, bà Trịnh Thị Lệ S.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm H về việc buộc vợ chồng ông Lê Văn Đ bà Trịnh Thị Lệ S phải trả lại đất lấn chiếm có diện tích 112m² (Chiều rộng 2,8m, chiều dài 40m) cho gia đình ông.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần tố của ông Lê Văn Đ và bà Trịnh Lệ S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01216 QSDĐ/H12 ngày 25/6/2002 của UBND huyện T đã cấp cho hộ ông Phạm H.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Đ và bà Trịnh Lệ S về việc yêu cầu ông Phạm H phải tháo dỡ nhà trả lại diện tích đất 20m² (Chiều rộng 1m, chiều dài 20m) cho ông bà.

6. Về chi phí tố tụng và án phí:

6.1. Chi phí định giá tài sản: 17.860.000 đồng, ông Phạm H chịu, ông H đã nộp xong.

6.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm H được miễn. Hoàn trả cho ông Phạm H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009084 ngày 15.6.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ông Lê Văn Đ và bà Trịnh Lệ S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0009243 ngày 29.10.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (Đã nộp xong).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm H được miễn. Ông Lê Văn Đ và bà Trịnh Thị Lệ S phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006842 ngày 10.9.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Hoàn trả cho ông Phạm H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006844 ngày 11.9.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm